TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26/03/2018
" *V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Lân
2. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão

- *Thư ký phiên toà:* Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 03 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 316/2017/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2017 về "*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị L , sinh năm 1976 - *Có mặt*
2. Bị đơn: Anh Lê Khánh T , sinh năm 1964 - *Có mặt*

Cùng trú tại: Số nhà 115 thôn Hiệp Bình, xã Quảng Hiệp, huyện CưM'Gar, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày:

Chị Võ Thị L và anh Lê Khánh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau, thậm chí anh T thường mắng chửi xúc phạm và đánh đập chị L. Hai bên gia đình cũng có hòa giải cho hai vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Từ tháng 8 năm 2017 đến nay chị L và anh T

không chung sống với nhau nữa, nay chị L yêu cầu tòa án không công nhận quan hệ giữa chị L và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung là Lê Khánh H sinh năm 1995; Lê Khánh H1 sinh năm 1997; Lê Khánh H2 sinh ngày 01/7/2000. Hiện nay hai cháu H và H1 đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu giải quyết. Nguyện vọng của chị L giao cháu H2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Lê Khánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung anh T đồng ý với lời khai của chị Võ Thị L.

Về mâu thuẫn gia đình anh T nhận thấy giữa anh và chị L không hợp tính nết, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Mặt khác, do biết được chị L đang chung sống với người đàn ông khác nên mâu thuẫn giữa anh T và chị L ngày một trầm trọng nên vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2017. Nay tình cảm không còn nên đề nghị tuyên bố không công nhận anh T và chị L là vợ chồng.

Về con chung, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Khánh H2 sinh ngày 01/7/2000 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu xin tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Võ Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị L và anh Lê Khánh T.

Về con chung: Căn cứ khoản 1 Điều 11, Khoản 2 Điều 17, Điều 92, 93, 94 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, công nhận thỏa thuận giữa chị Võ Thị L và anh Lê Khánh T: giao cháu Lê Khánh H2, sinh ngày: 01/7/2000 cho anh Lê Khánh T chăm sóc nuôi dưỡng đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Võ Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đăklăk.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị L và anh Lê Khánh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh T thường mắng chửi xúc phạm và đánh đập chị L; hơn nữa anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân gia đình. Vì vậy chị Võ Thị L đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Lê Khánh T là vợ chồng là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung là Lê Khánh H sinh năm 1995; Lê Khánh H1 sinh năm 1997; Lê Khánh H2 sinh ngày 01/7/2000. Hiện nay hai cháu H và H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, riêng cháu H2 đang đi học, trên cơ sở nguyện vọng của cháu H2 và sự thỏa thuận của chị L và anh T giao con chung là cháu Lê Khánh H2 cho anh T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Xét việc thỏa thuận giữa anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 92, Điều 93 và Điều 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên cần chấp nhận sự thỏa thuận trên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 17, Điều 87, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Võ Thị L và anh Lê Khánh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Võ Thị L và anh Lê Khánh T về con chung như sau:

Giao cháu Lê Khánh H2, sinh ngày 01/7/2000 cho anh Lê Khánh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001872 ngày 01/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM'gar.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;*
- *VKS huyện CưM'gar;*
- *Thi hành án dân sự CưM'gar;*
- *UBND xã Quảng Hiệp;*
- *Nguyên đơn, bị đơn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Diệu